

HÒA THƯỢNG KIM CƯƠNG TỬ (1914-2001) VỚI VẤN ĐỀ MÊ TÍN TRONG SINH HOẠT PHẬT GIÁO VIỆT NAM

LÊ TÂM ĐẮC^(*)

1. Vài nét về Hoà thượng Kim Cương Tử

Hoà thượng Kim Cương Tử thế danh là Trần Hữu Cung, sinh ngày 16 tháng 10 năm Giáp Dần (1914) tại xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Năm 1933 (19 tuổi), ông chính thức xuất gia tu học ở Chùa Cả (thành phố Nam Định). Sau đó, được thầy cho phép, ông tu học ở Chùa Hương, Chùa Thầy (nay thuộc ngoại thành Hà Nội), chùa Tân Cốc (tỉnh Nam Định), v.v...

Năm 1934, phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Bắc chính thức diễn ra với sự kiện thành lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ. Năm 1937 (24 tuổi), ông tham dự khoá thi đầu tiên tại Trường Trung học Phật giáo của Hội Phật giáo Bắc Kỳ và giành giải nhì tại kì thi đó. Những năm tiếp theo, ông tiếp tục học tập và nghiên cứu tại Trường Viễn Đông Bác Cổ, tham gia thuyết pháp tại chùa Quán Sứ (Hội quán Trung ương của Hội Phật giáo Bắc Kỳ), viết bài cổ động phong trào chấn hưng Phật giáo đăng trên báo Đuốc Tuệ (cơ quan ngôn luận của Hội Phật giáo Bắc Kỳ). Năm 1953, ông ở lại Hà Nội tham gia giảng dạy tại Trường Trung học Phật giáo Bắc Việt và một số cơ sở đào tạo tăng tài của Phật giáo Miền Bắc khi đó ở Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng, v.v...

Năm 1954, hòa bình lập lại ở Miền Bắc, ông tích cực tham gia phong trào Phật giáo yêu nước, là một trong những người đầu tiên tham gia thành lập Ban Đại diện Phật giáo Thủ đô. Ông cũng góp phần quan trọng trong việc xây dựng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam vào năm 1958.

Từ năm 1957 đến năm 1983, ông được cử xuống thành phố Hải Phòng để xây dựng phong trào Phật giáo yêu nước ở đây. Trong suốt 26 năm hoạt động Phật sự, ông đã xây dựng phong trào Phật giáo yêu nước ở Hải Phòng lớn mạnh, sớm thành lập được Chi hội Phật giáo Thống nhất Hải Phòng, chi hội Phật giáo Thống nhất đầu tiên ở Miền Bắc.

Năm 1980, ông tích cực tham gia Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Toàn quốc. Tại Đại hội Thống nhất Phật giáo cả nước diễn ra vào tháng 11 năm 1981, ông được suy cử làm Ủy viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, giữ chức Trưởng ban Nghi lễ Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đến năm 1983, ông được Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam điều về trụ trì chùa Trấn Quốc (Hà Nội), tham gia lãnh đạo Phật giáo Thủ đô.

^(*). TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Năm 1985, ông được cử làm Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự kiêm Trưởng ban Nghi lễ Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Năm 1990, ông được cử giữ chức Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Phân Viện trưởng Phân Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội, Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Phật học.

Tuy gánh vác nhiều công tác Phật sự của Giáo hội Phật giáo các cấp, nhưng ông vẫn chú trọng tới công tác đào tạo Tăng tài, nhất là sự tu học của lớp tăng ni trẻ. Ông là một trong những người có công lớn trong việc mở Trường Cơ bản Phật học, tiền thân của Trường Trung cấp Phật học hiện nay. Tại các khoá Hạ thường niên, ông luôn nhiệt tình khai tràng thuyết pháp, là giảng sư của nhiều trường Hạ và giữ ngôi Đường chủ tại trường Hạ chùa Bà Đá (Hà Nội) nhiều khoá.

Bên cạnh hoạt động Phật sự đa đoan, ông còn tích cực tham gia một số công tác xã hội như Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, v.v...

Do có nhiều công lao đóng góp với Đạo pháp và Dân tộc, Hoà thượng Kim Cương Tử đã được Nhà nước Việt Nam trao tặng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huy chương vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nhiều bằng tuyên dương công đức, bằng khen, giấy khen của Giáo hội

Phật giáo Việt Nam các cấp, của Ủy ban Nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội⁽¹⁾.

2. Hoà thượng Kim Cương Tử với vấn đề mê tín trong sinh hoạt Phật giáo Việt Nam

Những nghi lễ cơ bản của đạo Phật hàng năm gồm Lễ Phật Đản, Lễ Phật Thành Đạo, v.v...; hàng tháng có hai kì lễ vào các ngày 14 và ngày 15, ngày 30 và mùng 1 âm lịch. Bên cạnh đó, nghi lễ của Phật giáo còn bao gồm phép độ niệm, cầu đảo, cúng tứ cửu đối với những người chết, người ốm đau hay hoạn nạn. Tuy nhiên, cùng với thời gian, một số hành vi và nghi lễ mê tín đã dần dần vào trong sinh hoạt Phật giáo Việt Nam.

Về vấn đề bói toán. Truy tìm nguồn gốc của sự việc, Hoà thượng Kim Cương Tử cho rằng, môn xem bói căn cứ vào 8 quẻ bát quái do vua Phục Hi nước Trung Hoa đặt ra từ thời cổ đại. Cụ thể, xem bói vốn xuất phát từ bói cảnh kẻ giàu người nghèo, kẻ thống trị người nô lệ, từ đó giai cấp phong kiến Trung Hoa đặt ra thuật tướng số. Thuật tướng số quan niệm, bát quái là gốc của Thái cực, tượng trưng tính mệnh, trời, đất, nước, lửa, sấm, gió, tám phương, biểu hiện mọi điểm tốt xấu của con người.

Theo Hoà thượng, phương pháp xem bói có hai điểm thật dở. Một là, tất thấy chỉ có 64 quẻ bói, trong khi đó dân số trên thế giới có đến hàng tỉ người, mỗi người một cảnh ngộ khác nhau thì không thể đúng cho hết được. Hai là, ngày trước, khi đặt ra các quẻ bói và

1. Xem thêm: Thượng tọa Thích Thanh Nhã. *Tiểu sử Hoà thượng Kim Cương Tử*, trong: *Những bài viết của Hoà thượng Kim Cương Tử*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 1999, tr.7-11; Giáo hội Phật giáo Việt Nam. *Kỷ yếu tang lễ Đại lão Hoà thượng Thích Kim Cương Tử*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2002.

phép bói toán, người ta cho rằng, quả đất vuông như tấm bánh chưng, mặt trời xoay trên quả đất. Ngày nay, khoa học đã khám phá ra rằng, quả đất hình tròn và xoay quanh mặt trời. Như vậy, nhận thức căn bản cổ kim đã đảo lộn, phép bói toán khởi điểm từ 5 nghìn năm trước đến nay không còn thích hợp nữa. Do đó, nếu thấy bói chỉ y vào mấy điều có nghĩa lý chung chung rồi đoán thì sẽ bị cái lỗi là “thầy bói nói dựa”. Còn đối với Phật tử và nhân dân thì không nên tin tưởng những người ngồi một chỗ (có khi là người mù) phỏng đoán nói quanh.

Phép xem bói từ Trung Quốc xâm nhập vào và lan tràn rộng rãi ở nước ta. Trước thực tế một số vị tăng sĩ lấy xem bói làm nghề sinh sống dẫn đến việc nhiều người lầm tưởng rằng đạo Phật cũng dạy xem bói, Hòa thượng quả quyết: Nội dung kinh sách Phật giáo, tiêu biểu như *Luật Tăng Ni*, *Kinh Phạm Võng*, bộ *Uy Nghi điều 8*, v.v... đều cấm xem bói. Thậm chí, *Kinh Dược Sư* còn nhấn mạnh: “Tin những thầy tà, bạn ác, nói càn họa phúc làm cho hải hùng, tâm mình chẳng chính, đi bói toán quanh, cầu khẩn bách thần, phụ ma, luyện quỷ thực là lầm lạc, mê tín hiểu xằng, tiền mất tật mang thành ra chết uổng”. Từ đó, Hòa thượng đề nghị: Trong thời đại khoa học tiến bộ ngày nay, để phá tan tấm màn bí mật của tạo hóa, quyết làm cho được “nhân định thắng thiên” và “đức năng thắng số”, tránh những hủ thuyết cổ truyền trói buộc tư tưởng và kìm hãm khả năng của con người, các vị tu hành cần làm gương để tiếp dẫn quần sinh, nếu vị nào trước đây đã trót xem bói thì nay thôi, cùng nhân dân dắt tay nhau tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa tốt đẹp⁽²⁾.

Về vấn đề vàng mã. Để khẳng định “thuyết vàng mã” không phải của Phật giáo, thậm chí trong *Kinh Nhật Tụng* còn nói rõ “đốt vàng mã giết hại chúng sinh, vì tà tâm này không được Phật tiếp độ”, theo cách thức phổ biến của nhiều nhà lí luận trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Bắc trước năm 1954, Hòa thượng Kim Cương Tử trước hết tìm hiểu nguyên nhân và thời điểm xuất hiện tập tục này. Theo đó, tập tục đốt vàng mã bắt đầu xuất hiện từ thời nhà Tấn nước Trung Hoa. Đương thời, những vị vua chúa khi chết chôn theo cả từ cung tần mĩ nữ, kẻ hầu người hạ, của cải châu báu cho tới một số loài vật còn sống như trâu, bò, lợn, gà, v.v... Một số tầng lớp trên trong xã hội phong kiến Trung Hoa khi ấy cũng học tập theo cách làm này. Sau đó, nhận thấy tập tục này đã man, tàn nhẫn, vô nhân đạo và ích kỉ, nhân dân đã kịch liệt đấu tranh nên đến thời nhà Minh, giai cấp thống trị phong kiến Trung Hoa mới nghĩ ra cách làm đồ bằng giấy thay cho người thật và đồ thật, gọi là “hình nhân thế mạng”. Vàng mã từ đó lưu truyền rộng khắp nước Trung Hoa. Vàng mã được truyền vào nước ta trong thời kì Bắc thuộc.

Triết lí hóa vàng đốt mã cho người chết được hưởng, theo Hòa thượng, là một điều hết sức vô lí. Bởi vì, nếu nói để báo hiếu cho ông bà, cha mẹ thì hàng vạn người mới có một người được con cháu đốt cho quần áo, đồ đạc khoảng 1-2 lần trong vài năm liền thôi, còn nhiều người trong nhiều năm không ai đốt cho thì lấy gì mà dùng. Bên cạnh đó, việc cố gắng vay mượn sắm sửa vàng mã đốt cho

2. Xem: *Thuyết xem bói* trong: *Những bài viết của Hòa thượng Kim Cương Tử*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 1999, tr. 84-86.

cha mẹ cho bằng người ta cũng là một suy nghĩ và việc làm sai lầm và lãng phí vì mất tiền thật mua đồ giả rồi đốt ra tro, trong khi xã hội đang cần mua giấy cho học sinh và cho việc in sách báo. Còn một số lí luận đại loại như người dùng thì nói vì còn có người làm ra vàng mã bán thì tôi vẫn mua, người sản xuất thì nói vì còn có người mua thì tôi phải làm ra vàng mã để bán, người thấy cứng lại nói vì người ta còn sấm và mời tôi đến cúng chứ tôi không bắt người ta phải sấm vàng mã, v.v... chỉ là những lời ngụy biện quanh co bảo thủ luẩn quẩn như cua bò lạc lối. Do vậy, Phật tử và nhân dân phải sớm giác ngộ bỏ được càng sớm càng hay tệ tục đốt vàng mã. Đây cũng là một việc làm góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội về mặt cải tạo nền văn hóa xã hội tiến bộ lên vậy⁽³⁾.

Về áo Lục thù và tấm Hải hội. Trong dân gian nước ta từ lâu đời đã từng tồn tại tập tục dùng áo Lục thù và tấm Hải hội trên đó in các thứ bùa dấu tên các vị thánh thần vào rồi mặc và gói thi hài người chết đem chôn. Về vấn đề này, Hòa thượng Kim Cương Tử tuyên bố dứt khoát, áo Lục thù và tấm Hải hội không phải là Phật pháp, nói cách khác, kinh sách Phật giáo không dạy làm những thứ này, mà đó là do những người hiểu kì, háo lợi khôn khéo bày đặt ra.

Lần tìm gốc rễ của sự việc, Hòa thượng cho biết, trong kinh sách của Phật giáo cũng nhắc đến áo Lục thù. Cụ thể, trong *Kinh Trường A Hàm*, phần *Thế Kí*, phẩm *Đao Lợi Thiên* nói: "...người cõi Đao Lợi và người cõi thần Atula đều thân cao một dậm, mặc áo dài hai dậm, rộng một dậm, nặng 6 thù" (Lục thù)⁽⁴⁾. Bài *Dụ kiếp thạch* thì cho biết: "...người cõi Trời Đâu Suất lấy áo Lục thù phẩy tảng đá lớn cho mòn

dần đi". Còn ở bài tán đầu sách *Ngũ bách danh* có câu "hà y quải lục thù" tán dương Đức Quan Âm mặc áo Lục thù đẹp.

Như vậy, có thể thấy, cái tên Lục thù áo mặc của chư thiên đã bị dân gian lợi dụng biến thành thứ áo chỉ dành mặc cho người chết. Nguyên nhân của sự việc có lẽ họ cho rằng, những người chết mặc thứ áo này sẽ được vàng sinh lên cõi Trời, hay được Đức Quan Âm tiếp dẫn về nước Phật. Theo Hoà thượng, đây rõ ràng là một sự ngụy tạo áo Lục thù vì ba lẽ sau:

Thứ nhất, cái áo của các thiên thần nếu có thật thì dài 2 dậm (dài gấp đôi người mặc), rộng 1 dậm (rộng bằng chiều cao thân thể người mặc) mà chỉ nặng có 1/4 lạng ta thôi. Liệu áo của người trần tục may kể cả kích thước lẫn trọng lượng có bắt chước được đúng như thế không? Nếu nặng quá 6 thù thì sao lại gọi là áo Lục thù được? Đối với cái áo thất cách dở dang và sai trái vô nghĩa lí như vậy thì còn lấy gì làm khước mà cần dùng đến nó nữa?

Thứ hai, nhân gian thực chưa từng thấy hình dáng, kiểu mẫu, màu sắc áo Lục thù của các thiên thần. Cho nên, từ xưa đến nay, họ làm áo Lục thù chỉ là cái áo cộc cụt cánh, trên đó in các bùa chú thuộc tín ngưỡng phù thủy lẫn với khuôn dấu bốn chữ triện "Phật, pháp, tạng, bảo" và nhiều chữ Phạn.

3. Xem: *Thuyết vàng mã*, trong: *Những bài viết của Hòa thượng Kim Cương Tử*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 1999, tr.87-90.

4. Thù là một đơn vị đo lường trọng lượng cổ đại Trung Quốc. Hòa thượng Kim Cương Tử sau khi so sánh đơn vị đo lường trọng lượng Trung Quốc cổ đại với đơn vị đo lường trọng lượng Phương Tây hiện đại đã tính được: 1 thù = 1,6 gam. Như vậy, tổng trọng lượng của áo Lục thù là 9,6 gam. Xem cụ thể: *Giải thích về áo Lục thù-Hải hội*, trong: *Những bài viết của Hòa thượng Kim Cương Tử*. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 1999, tr.177.

Thứ ba, trong kinh sách của nhà Phật chỉ thấy nói niệm Phật, làm lành, hồi hướng, phát nguyện là vong hồn được vãng sinh về Tịnh Độ hay về các cõi lành, chứ không thấy nói lúc chết phải mặc thứ áo gì đem chôn mới được siêu thoát.

Về tám Hải hội. Trong Phật giáo, “hải hội” là thuật ngữ để chỉ nơi đại hội của mọi thứ người, từ đơn thuần đến phức tạp, trong đó có đủ cả cõi Phật, cõi âm, cõi dương, cõi thần, cõi quỷ, v.v... Phỏng theo đó, trên tám tạ quan khâm liệt thi hải người chết, gọi là tám Hải hội, dân gian đã in các kiểu bùa dấu, bái quát, ngũ hành, thập can, thập nhị chi, thập bát tú, lục giáp, lục ất, lục bính, lục đinh, lục mậu, lục kỉ, lục canh, lục tân, lục nhâm, lục quý, cần nguyên hanh lợi trịnh, tả thanh long (rồng xanh), hữu bạch hổ (hùm trắng), tiền chu tước (chim sẻ đỏ), hậu huyền vũ (rùa đen), chú thần chú lục tự đại minh, úm sỉ lâm, bộ lâm, tra lâm, tên các quỷ thần, bốn vị Bồ tát, bốn chữ “Phật, pháp, tăng, bảo”, v.v...

Như vậy, nội dung tám hải hội chủ yếu là thế gian ngoại đạo, chỉ có mấy danh hiệu Bồ tát và câu châm ngôn của đạo Phật, nhưng đã đem dùng gói bọc xác người chết chôn xuống dưới đất thì còn gì là tôn kính, phúc lợi, linh thiêng, giải thoát. Bởi vì, danh hiệu Phật thánh là để niệm cầu, thần chú nhiệm mầu để trì tụng chứ không phải để chôn vùi xuống đất.

Hòa thượng kết luận: Những ai in may sử dụng áo Lục thù và tám Hải hội là duy trì mê tín hủ tục, cố lưu truyền những tạp ngoại quỷ thần hoang đường, làm cho người đời lầm tưởng những thứ ấy là của đạo Phật dạy. Từ đó, Hòa thượng kêu gọi các đệ tử Phật, trước hết là các vị tăng ni, phải vận dụng tám lòng yêu đạo, yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, hộ trì chính

pháp, ủng hộ chính sách của Đảng và Chính phủ, cương quyết biện minh lí lẽ và bài trừ áo Lục thù và tám Hải hội là những thứ không hợp chính đạo. Đó cũng là một trong những nhiệm vụ “ngiên chân hạch ngục, hiển chính tối tà” đối với phận sự phụng đạo và yêu nước của giới Phật giáo Việt Nam⁽⁵⁾.

Về việc tôn bát nhang thờ chư vị. Theo Hòa thượng Kim Cương Tử, việc thờ chư vị xuất phát từ tín ngưỡng Tứ Phủ, có thể nảy mầm từ Đạo giáo, phát triển mạnh mẽ và lẫn vào Phật giáo nước ta từ thời Hậu Lê. Tín ngưỡng này thờ Mẫu Thiên, Mẫu Địa, Mẫu Thoải (Mẫu Thủy), Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Liễu Hạnh, Trần Hưng Đạo và nhiều vị thần khác. Những người cao số và nặng căn quả, trong đó nhiều người là đệ tử Phật, phải tôn bát nhang suốt đời thờ phụng các vị thần của tín ngưỡng này, được gọi là con nhang hay con công đệ tử. Tôn bát nhang là bước thứ nhất để tiến lên trình đồng, hầu bóng, làm nô lệ quỷ thần đồng bóng mê tín.

Nhiều chùa ở Miền Bắc, thần điện phủ Mẫu còn tôn nghiêm hơn thờ Phật. Kinh sách Phật giáo nói rõ, chư thiên, quỷ thần còn quy y Phật, vậy mà nhiều Phật tử lại coi Phật không bằng quỷ thần rõ ràng là điều không đúng. Người chân chính theo đạo Phật thì suốt đời không thờ thiên thần nào khác, chỉ nhất tâm quy y Tam Bảo. Vì vậy, đệ tử Phật phải bỏ việc tôn bát nhang, không thờ cúng các quỷ thần làm cho Phật pháp thì sáng tỏ, bản thân mình thì giác ngộ tiến lên⁽⁶⁾.

5. Xem: *Giải thích về áo Lục thù-Hải hội*, trong: *Những bài viết của Hòa thượng Kim Cương Tử*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 1999, tr.176-181.

6. Xem: *Tôn bát nhang thờ chư vị (hay tôn bát hương)*, trong: *Những bài viết của Hòa thượng Kim Cương Tử*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội 1999, tr.182-184.

Ngoài bói toán, vàng mã, áo Lục thù, tấm Hải hội, tôn bát nhang thờ chư vị, đồng bóng, trong những hành vi và nghi lễ của Phật giáo Việt Nam còn lẫn một số tạp tín nữa như dùng bùa dầu để yểm đảo, cúng kì yên vào đầu mùa hè, thờ điện tình (thờ quỷ thần phái phù thủy như Huyền Đàn, Độc Cước, v.v...). Những tạp tín này làm mờ ám nền tín ngưỡng, có hại cho cả đạo Phật lẫn ngoài đời.

Vấn đề mê tín, theo Hòa thượng Kim Cương Tử, do 4 nguyên nhân sau đây:

Một là, trước đây do khoa học chưa phát triển, người ta cho rằng tính mạng của loài người phụ thuộc vào quỷ thần linh thiêng, cho nên hay tin tưởng cầu cúng, nhất là những phụ nữ nhẹ dạ.

Hai là, một số người khi thân tâm không điều hòa sinh bệnh tật mê hoảng lầm tưởng là có quỷ thần hành hạ, nên sợ hãi dẫn đến bị lệ thuộc vào quỷ thần.

Ba là, những chế độ cũ đều là chế độ thống trị bóc lột, họ đầu độc mê tín hoặc làm ngu dân để dễ bề đầu cúi cổ thực hiện ý đồ đen tối của họ.

Bốn là, một số người đã bị mê tín ăn sâu vào đầu óc, bị chinh phục tư tưởng, nô dịch tinh thần, điều khiển tâm trí phải phục tùng theo niềm tin ấy. Có người quen dựa vào thần thánh, lợi dụng mê tín làm công cụ kiếm lợi bất chính, cho nên không dứt khoát từ bỏ ngay được⁽⁷⁾.

Từ đó, Hòa thượng kết luận: Ngày nay, khoa học phát triển, nhân loại ngày càng văn minh tiến bộ, không còn là thời đại cuồng tín hoang đường. Tăng ni, Phật tử và nhân dân phải giữ lòng tin cho trong sạch để nền tín ngưỡng được đề cao. Do đó, vì nhiệm vụ phụng đạo và yêu nước,

thực hiện nếp sống mới, góp phần vào công cuộc cách mạng văn hóa tư tưởng, người theo đạo Phật làm lợi ích cho đời, cương quyết bảo vệ và nêu cao chính tín, tận lực bài trừ mê tín⁽⁸⁾.

3. Thay lời kết

Cùng với những biện giải giáo lý, nghiên cứu luật tạng, phiên dịch kinh điển, xác định lại một số ngày lễ của Phật giáo Việt Nam, v.v... trong nhiều nghiên cứu của mình, nhất là trong các thập niên 50 và 60 của thế kỉ XX, Hòa thượng Kim Cương Tử luôn chú trọng bóc tách những tạp tín lẫn trong sinh hoạt Phật giáo Việt Nam. Tiếp nối các nội dung trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Bắc nói riêng, Phật giáo cả nước nói chung trước năm 1954, nhiều nghiên cứu của Hòa thượng được tiến hành một cách công phu, nghiêm túc nhằm nâng cao hiểu biết Phật học, đặc biệt là đẩy lùi những hành vi và nghi lễ mê tín từng tồn tại lâu đời, một trong những nguyên nhân khiến Phật giáo Việt Nam suy vi trong một số thời đoạn, mong muốn Phật giáo nước nhà luôn phát triển một cách lành mạnh và chính tín. Với ý nghĩa như vậy, có thể nói, tư tưởng chấn hưng Phật giáo của Hòa thượng vẫn còn nguyên giá trị quan trọng đối với sự phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay./.

7. Xem: *Chính tín-Mê tín*, trong: *Những bài viết của Hòa thượng Kim Cương Tử*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 1999, tr.273-274.

8. Xem: *Chính tín-Mê tín*, trong: *Những bài viết của Hòa thượng Kim Cương Tử*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 1999, tr.275.